

ĐỀ ÁN

Sắp xếp thôn, làng trên địa bàn xã Ngọc Liên, tỉnh Thanh Hóa

Thôn, làng (sau đây gọi chung là thôn) được tổ chức ở xã. Thôn không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trên địa bàn xã; là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ được giao.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp chính thức đi vào hoạt động, yêu cầu đổi mới tổ chức và hoạt động của thôn ngày càng đặt ra cấp thiết nhằm tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

Thực hiện các chủ trương, quy định của Trung ương, của tỉnh Thanh Hóa về sắp xếp thôn; căn cứ tình hình thực tế về quy mô dân số, diện tích tự nhiên, điều kiện địa lý, lịch sử hình thành và mối quan hệ cộng đồng dân cư trên địa bàn, UBND xã Ngọc Liên xây dựng Đề án sắp xếp các thôn trên địa bàn xã nhằm tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, đầu tư cơ sở hạ tầng và tổ chức các hoạt động cộng đồng, cụ thể như sau:

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII;

- Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII;

- Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

- Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

- Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

- Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

- Công văn số 167/BNV-CQĐP ngày 28/3/2026 của Bộ Nội vụ về phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

- Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 22/5/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Công văn số 3120/SNV-XDCQ&CTTN ngày 21/5/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa về việc xây dựng Phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 3299/SNV-XDCQ&CTTN ngày 26/5/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Công văn số 3706/SNV-XDCQ&CTTN ngày 08/6/2026 của Sở Nội vụ Thanh Hóa về việc hướng dẫn trình tự, hồ sơ, đề án sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ sở thực tiễn và sự cần thiết

Xã Ngọc Liên là xã miền núi có địa bàn rộng, dân cư phân bố không đồng đều, điều kiện giao thông giữa một số khu dân cư còn hạn chế. Hiện nay, toàn xã có 41 thôn với tổng số 6.334 hộ dân, diện tích tự nhiên 8.017,24 ha. Trong những năm qua, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hệ thống tổ chức ở thôn, làng đã phát huy vai trò quan trọng trong công tác quản lý địa bàn, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tổ chức các phong trào thi đua và giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở. Tuy nhiên, qua rà soát thực trạng theo định hướng của Trung ương và của tỉnh, nhiều thôn trên địa bàn xã có quy mô số hộ gia đình thấp, chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định; một số thôn có quy mô nhỏ, dân cư phân tán, địa giới xen kẽ, gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành, tổ chức hoạt động cộng đồng và đầu tư cơ sở hạ tầng.

Hiện nay, trên địa bàn xã chưa có thôn đạt quy mô theo định hướng từ 350 hộ gia đình trở lên; nhiều thôn có quy mô dưới 150 hộ và nhiều thôn có quy mô từ 200 đến dưới 350 hộ. Việc duy trì số lượng lớn đầu mỗi thôn cũng làm tăng số lượng người hoạt động không chuyên trách, tăng chi ngân sách cho phụ cấp và hoạt động của thôn; đồng thời gây khó khăn trong việc đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, nhất là tại các nhà văn hóa có quy mô phục vụ nhỏ, hiệu quả khai thác chưa cao. Việc xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn, làng trên địa bàn xã Ngọc Liên là yêu cầu cần thiết nhằm thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Đồng thời, việc sắp xếp thôn, làng sẽ góp phần giảm đầu mối, tinh gọn tổ chức ở cơ sở, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở khu dân cư; tạo điều kiện tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà văn hóa và các thiết chế cộng đồng; nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, giữ gìn an ninh trật tự, phát huy truyền thống đoàn kết cộng đồng dân cư và đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của địa phương trong thời gian tới.

Từ thực tế nói trên, việc sắp xếp thôn trên địa bàn xã Ngọc Liên là phù hợp với thực tiễn địa phương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cấp xã, tinh gọn bộ máy, giảm số lượng, đồng thời tạo sự gắn bó, củng cố sức mạnh, tăng cường đầu tư xây dựng công trình phúc lợi xã hội từ cộng đồng dân cư; thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng "2 con số" và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

II. HIỆN TRẠNG SỐ LƯỢNG, TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Về tổ chức và hoạt động của thôn

1.1. Về số lượng thôn:

- Tổng số thôn: 41 thôn.
- Số đã đạt tiêu chuẩn theo quy định: 0 thôn.
- Số chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định: 41 thôn.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo).

1.2. Về tổ chức của thôn:

a) Tổ chức Chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, Chi hội đoàn thể (chỉ kê khai 01 chức danh chính).

- Bí thư chi bộ là 41 người;
- Trưởng thôn là 24 người;
- Trưởng Ban Công tác Mặt trận là 17 người;
- Thôn đội trưởng: 39 người.

b) Số lượng, chất lượng, cơ cấu người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động công việc ở thôn: Đội ngũ người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn cơ bản bảo đảm về số lượng, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, số lượng thôn còn nhiều, quy

mô một số thôn nhỏ, dẫn đến số lượng người hoạt động không chuyên trách lớn, chưa thực sự phù hợp với yêu cầu tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động ở cơ sở.

c) Thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự: 123 người.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo).

1.3. Về hoạt động của thôn:

Các thôn trên địa bàn xã Ngọc Liên cơ bản hoạt động ổn định, thực hiện tốt vai trò là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư. Hệ thống chi bộ, Ban Công tác Mặt trận và các đoàn thể ở thôn được duy trì, phát huy hiệu quả trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tổ chức các phong trào thi đua, xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm an ninh trật tự và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Tuy nhiên, do số lượng thôn còn nhiều, quy mô một số thôn nhỏ nên việc tổ chức các hoạt động cộng đồng, huy động nguồn lực và đầu tư cơ sở hạ tầng còn phân tán, chưa phát huy tối đa hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn lực ở cơ sở.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN

1. Nguyên tắc, yêu cầu sắp xếp thôn

1.1. Việc sắp xếp thôn phải bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu quản lý khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời xem xét đầy đủ các yếu tố về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý, quốc phòng, an ninh và sự gắn kết tự nhiên của cộng đồng dân cư; gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

1.2. Quá trình thực hiện phải bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; phát huy truyền thống đoàn kết trong cộng đồng dân cư; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý của chính quyền và vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; gắn với việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức chi bộ, Ban Công tác Mặt trận và các chức danh ở thôn.

1.3. Việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở thôn phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với các trường hợp chịu tác động do sắp xếp thôn, bảo đảm ổn định tư tưởng và quyền lợi của cán bộ ở cơ sở.

1.4. Lựa chọn, giới thiệu người hoạt động ở thôn là những người có uy tín, phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, trách nhiệm, tâm huyết với công việc, có khả năng vận động Nhân dân và đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

1.5. Việc đặt tên thôn mới được thực hiện đồng thời trong quá trình sắp xếp thôn, bảo đảm phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa của địa phương và nguyện vọng của Nhân dân.

1.6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân; bảo đảm người dân được cung cấp đầy đủ thông tin, tham gia góp ý và giám sát việc thực hiện sắp xếp thôn theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn sắp xếp thôn

2.1. Thôn mới sau sắp xếp phải đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành, bảo đảm quy mô từ 350 hộ gia đình trở lên.

2.2. Thôn sau sắp xếp phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, phục vụ công tác quản lý và bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân.

3. Phương án tổng thể sắp xếp thôn

3.1. Tổng số thôn: 41 thôn, trong đó:

a) Tổng số thôn thực hiện sắp xếp: 41 thôn, gồm:

- Thôn chưa đạt tiêu chuẩn: 41 thôn.
- Thôn đạt tiêu chuẩn: 0 thôn.

b) Số thôn không thực hiện sắp xếp: 0 thôn.

3.2. Phương án và kết quả sắp xếp:

a) Phương án sắp xếp:

(1) Sáp nhập Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3 và Thôn 4

- Thôn 1 có 131 hộ, diện tích 92,43 ha;
- Thôn 2 có 137 hộ, diện tích 156,35 ha;
- Thôn 3 có 135 hộ, diện tích 215,52 ha;
- Thôn 4 có 110 hộ, diện tích 144,22 ha.

Sau sáp nhập thành 01 thôn mới có 513 hộ dân, diện tích 608,53 ha.

Lấy tên mới là Thôn Kim Ngọc; trung tâm sinh hoạt cộng đồng đặt tại khu vực Thôn 2 (cũ) do có vị trí là trung tâm thuận lợi và cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động.

Đây là khu vực có vị trí địa lý liền kề, hệ thống giao thông thuận lợi, dân cư sinh sống tập trung và có sự tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội. Việc sáp nhập sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý hành chính, đầu tư cơ sở hạ tầng và tổ chức các hoạt động cộng đồng.

(2) Sáp nhập Thôn 5, Thôn 6, Thôn 7 và Thôn 8

- Thôn 5 có 126 hộ, diện tích 132,51 ha;
- Thôn 6 có 249 hộ, diện tích 115,81 ha;
- Thôn 7 có 156 hộ, diện tích 113,21 ha;
- Thôn 8 có 144 hộ, diện tích 161,07 ha.

Sau sáp nhập có 675 hộ dân, diện tích 522,60 ha. Các thôn có địa giới liền kề, điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, thuận lợi trong tổ chức sinh hoạt cộng đồng và phát triển hạ tầng.

Lấy tên thôn mới là Thôn Ngọc Thanh; trung tâm sinh hoạt cộng đồng đặt tại Thôn 6 (cũ).

(3) Sáp nhập Thôn 9 và Thôn 10

- Thôn 9 có 211 hộ, diện tích 175,60 ha;

- Thôn 10 có 221 hộ, diện tích 193,02 ha.

Sau sáp nhập có 432 hộ dân, diện tích 368,62 ha. Quy mô hộ dân đạt tiêu chí theo định hướng; đồng thời thuận lợi trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và tổ chức hoạt động cộng đồng.

Lấy tên thôn mới là Thôn Phúc Thuận; trung tâm sinh hoạt cộng đồng đặt tại Thôn 9 (cũ).

(4) Sáp nhập Thôn Điền Sơn, Kim Thủy và Linh Sơn

- Thôn Điền Sơn có 183 hộ, diện tích 358,13 ha;
- Thôn Kim Thủy có 142 hộ, diện tích 269,88 ha;
- Thôn Linh Sơn có 175 hộ, diện tích 157,71 ha.

Sau sáp nhập có 500 hộ dân, diện tích 785,72 ha. Đây là khu vực có diện tích rộng, dân cư có sự gắn kết trong đời sống sinh hoạt và sản xuất.

Lấy tên thôn mới là Thôn Sơn Thủy; trung tâm sinh hoạt cộng đồng đặt tại Thôn Kim Thủy (cũ).

(5) Sáp nhập Thôn Hoàn Sơn, Minh Phong, Tiền Phong, Minh Tiến và Thanh Sơn

- Thôn Hoàn Sơn có 103 hộ, diện tích 105,49 ha;
- Thôn Minh Phong có 114 hộ, diện tích 90,58 ha;
- Thôn Tiền Phong có 130 hộ, diện tích 142,33 ha;
- Thôn Minh Tiến có 99 hộ, diện tích 72,98 ha;
- Thôn Thanh Sơn có 134 hộ, diện tích 197,59 ha.

Sau sáp nhập thôn có 580 hộ dân, diện tích 608,97 ha. Đây là khu vực có điều kiện dân cư tương đồng, có sự gắn kết trong lao động sản xuất và sinh hoạt cộng đồng.

Lấy tên thôn mới là Thôn Tiền Phong; trung tâm sinh hoạt cộng đồng đặt tại Thôn Thanh Sơn (cũ).

(6) Sáp nhập Thôn Minh Xuân, Trung Thành, Minh Lâm và Thọ Phú

- Thôn Minh Xuân có 135 hộ, diện tích 127,80 ha;
- Thôn Trung Thành có 196 hộ, diện tích 249,38 ha;
- Thôn Minh Lâm có 218 hộ, diện tích 152,37 ha;
- Thôn Thọ Phú có 158 hộ, diện tích 167,12 ha.

Sau sáp nhập có 707 hộ dân, diện tích 696,67 ha. Các thôn có điều kiện sinh hoạt cộng đồng tương đồng, dân cư phân bố tương đối tập trung và có hệ thống giao thông kết nối thuận lợi.

Lấy tên thôn mới là Thôn Trung Thành; trung tâm sinh hoạt cộng đồng đặt tại Thôn Trung Thành (cũ).

(7) Sáp nhập Thôn Ngọc Tân, Xuân Minh, Tân Mỹ và Yên Thắng

- Thôn Ngọc Tân có 149 hộ, diện tích 119,70 ha;
- Thôn Xuân Minh có 187 hộ, diện tích 225,45 ha;

- Thôn Tân Mỹ có 192 hộ, diện tích 271,67 ha;
- Thôn Yên Thắng có 124 hộ, diện tích 165,05 ha.

Sau sáp nhập có 652 hộ dân, diện tích 781,87 ha. Đây là khu vực có điều kiện dân cư tương đồng, có sự liên kết chặt chẽ trong sản xuất, sinh hoạt cộng đồng và hạ tầng giao thông.

Lấy tên thôn mới là Thôn Ngọc Minh; trung tâm sinh hoạt cộng đồng đặt tại Ngọc Tân.

(8) Sáp nhập Làng 61, Lim Còm và Khang Ninh

- Làng 61 có 112 hộ, diện tích 117,49 ha;
- Làng Lim Còm có 98 hộ, diện tích 274,28 ha;
- Thôn Khang Ninh có 225 hộ, diện tích 651,51 ha;

Sau sáp nhập có 435 hộ dân, diện tích 1.043,28 ha. Đây là phương án phù hợp nhằm giảm đầu mối quản lý và hình thành thôn có quy mô diện tích lớn, thuận lợi cho công tác điều hành và tổ chức hoạt động cộng đồng.

Lấy tên thôn mới là Thôn Khang Ninh; trung tâm thôn đặt tại thôn Khang Ninh (cũ).

(9) Sáp nhập làng Mai, làng Búra và Cao Thắng

- Làng Mai có 127 hộ, diện tích 181,48 ha;
- Làng Búra có 172 hộ, diện tích 221,31 ha;
- Làng Cao Thắng có 136 hộ, diện tích 23,52 ha.

Sau sáp nhập có 435 hộ dân, diện tích 426,31 ha. Các khu dân cư có sự gắn kết về lịch sử, văn hóa và đời sống cộng đồng. Sau sáp nhập cơ bản đạt tiêu chí quy mô hộ dân.

Lấy tên thôn mới là Thôn Thắng Lợi; trung tâm thôn đặt tại làng Búra (cũ).

(10) Sáp nhập Làng Z111, Cao Sơn và Cao Khánh

- Làng Z111 có 140 hộ, diện tích 122,12 ha;
- Làng Cao Sơn có 150 hộ, diện tích 218,15 ha;
- Làng Cao Khánh có 214 hộ, diện tích 141,17 ha.

Sau sáp nhập có 504 hộ dân, diện tích 481,44 ha. Việc sáp nhập tạo điều kiện thuận lợi trong quản lý dân cư, tổ chức sinh hoạt cộng đồng và đầu tư thiết chế văn hóa.

Lấy tên thôn mới là Thôn Thái Sơn; trung tâm sinh hoạt cộng đồng đặt tại làng Z111 (cũ).

(11) Sáp nhập Làng Ngã Hón, Làng Hép và Cò Chè

- Làng Ngã Hón có 108 hộ, diện tích 265,94 ha;
- Làng Hép có 115 hộ, diện tích 523,05 ha;
- Làng Cò Chè có 156 hộ, diện tích 164,62 ha.

Sau sáp nhập có 379 hộ dân, diện tích 953,61 ha. Quy mô hộ dân bảo đảm theo định hướng, thuận lợi cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng và tổ chức các hoạt động cộng đồng.

Lấy tên thôn mới là Thôn Lộc Phú; trung tâm sinh hoạt cộng đồng đặt tại Làng Cò Chè (cũ).

(12) Sáp nhập Lộc Tiến, Lộc Phát và Lộc Thành

- Thôn Lộc Tiến có 149 hộ, diện tích 127,48 ha;
- Thôn Lộc Phát có 214 hộ, diện tích 253,92 ha;
- Thôn Lộc Thành có 189 hộ, diện tích 358,22 ha.

Sau sáp nhập thôn có 552 hộ dân, diện tích 739,62 ha. Đây là phương án phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, đáp ứng tiêu chí quy mô hộ dân theo định hướng.

Lấy tên thôn mới là Thôn Lộc Tiến; trung tâm sinh hoạt cộng đồng đặt tại Thôn Lộc Thành (cũ).

b) Kết quả sau khi sắp xếp:

Sau khi sắp xếp, xã Ngọc Liên có 12 thôn; trong đó có 12 thôn mới hình thành sau sắp xếp theo quy định tại Khoản 3.2 Điểm 3 Mục III và không có thôn không thực hiện sắp xếp.

(1) Về quy mô số hộ:

- Số thôn mới đạt tiêu chuẩn theo định hướng quy mô từ 350 hộ gia đình trở lên: 12 thôn.
- Số thôn mới chưa đạt tiêu chuẩn theo định hướng quy mô từ 350 hộ gia đình trở lên: 0 thôn.

(2) Về diện tích tự nhiên:

Các thôn mới sau sắp xếp có diện tích tự nhiên từ 368,62 ha đến 1.043,28 ha; bảo đảm tính liên kết về địa giới hành chính, phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm phân bố dân cư, truyền thống lịch sử, văn hóa của địa phương và yêu cầu quản lý nhà nước ở cơ sở.

(3) Về tên gọi:

- Có 04 thôn sử dụng tên gọi của một trong các thôn trước khi sắp xếp, gồm: Thôn Tiên Phong, Thôn Trung Thành, Thôn Khang Ninh, Thôn Lộc Tiến.
- Có 08 thôn sử dụng tên gọi mới hoặc tên gọi mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa, truyền thống, gồm: Thôn Kim Ngọc, Thôn Ngọc Thanh, Thôn Phúc Thuận, Thôn Sơn Thủy, Thôn Ngọc Minh, Thôn Thắng Lợi, Thôn Thái Sơn và Thôn Lộc Phú.

- Có 0 thôn sử dụng tên gọi theo chữ và số tự nhiên.

Sau khi sắp xếp, số lượng thôn trên địa bàn xã giảm từ 41 thôn xuống còn 12 thôn, giảm 29 thôn (tương ứng giảm 70,73%). Việc sắp xếp góp phần tinh gọn đầu mối tổ chức ở khu dân cư, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở, tạo điều kiện tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa, đồng thời phát huy sức mạnh đoàn kết cộng đồng dân cư, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn mới.

4. Đánh giá tác động của việc sắp xếp

4.1. Ưu điểm

a) Đối với công tác quản lý nhà nước và hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở

Việc sắp xếp 41 thôn hiện có thành 12 thôn mới sẽ góp phần giảm mạnh số lượng đầu mối quản lý ở khu dân cư, bảo đảm phù hợp với chủ trương tinh

gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở. Sau sắp xếp, các thôn mới có quy mô dân cư lớn hơn, địa bàn quản lý rõ ràng hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền xã và hoạt động của các tổ chức đoàn thể.

Đồng thời, việc giảm số lượng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn giúp tinh gọn đội ngũ cán bộ cơ sở, nâng cao chất lượng cán bộ được lựa chọn, bố trí; tăng cường tính chuyên nghiệp, trách nhiệm và hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ.

b) Đối với phát triển kinh tế - xã hội

Các thôn mới sau sắp xếp đều có quy mô từ 379 hộ đến 707 hộ dân, đáp ứng tiêu chí theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng và triển khai các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Việc tập trung dân cư theo đơn vị thôn có quy mô phù hợp sẽ giúp nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực trong Nhân dân, thuận lợi cho công tác quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

Bên cạnh đó, việc giảm đầu mỗi thôn giúp địa phương có điều kiện tập trung nguồn lực đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng thiết yếu, đặc biệt là nhà văn hóa, khu thể thao, hệ thống giao thông, điện chiếu sáng, cảnh quan môi trường và các thiết chế phục vụ cộng đồng.

c) Đối với ngân sách nhà nước

Sau sắp xếp, số lượng thôn giảm từ 41 thôn xuống còn 12 thôn, giảm 29 thôn, tương ứng giảm đáng kể số lượng người hoạt động không chuyên trách được hưởng phụ cấp hằng tháng và các khoản chi hoạt động của thôn.

Việc giảm đầu mỗi quản lý góp phần tiết kiệm ngân sách nhà nước, tạo nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

d) Đối với đời sống văn hóa, xã hội của Nhân dân

Việc sắp xếp thôn tạo điều kiện hình thành các cộng đồng dân cư có quy mô phù hợp, tăng cường sự giao lưu, đoàn kết giữa Nhân dân các khu dân cư liền kề. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các phong trào thi đua yêu nước được tổ chức tập trung, quy mô hơn, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân.

Đồng thời, việc đầu tư xây dựng nhà văn hóa, khu thể thao thôn mới theo quy mô lớn hơn sẽ đáp ứng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, hội họp, tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

4.2. Hạn chế

Trong thời gian đầu thực hiện sắp xếp, có thể phát sinh một số khó khăn như: Tâm tư, nguyện vọng của một bộ phận cán bộ thôn dôi dư sau sắp xếp; thay đổi tên gọi, địa giới quản lý và địa điểm sinh hoạt cộng đồng của một số thôn; khoảng cách đi lại của người dân tại một số khu vực đến trung tâm sinh hoạt của thôn mới có thể xa hơn so với trước đây.

Bên cạnh đó, nhu cầu đầu tư xây dựng mới nhà văn hóa, nâng cấp các công trình hạ tầng phục vụ hoạt động của thôn mới đòi hỏi nguồn kinh phí tương đối lớn, cần được thực hiện theo lộ trình phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và huy động các nguồn lực hợp pháp khác.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về công tác thông tin, tuyên truyền

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, quy định của Trung ương, của tỉnh và của xã về sắp xếp thôn nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức và đồng thuận trong Nhân dân. Tăng cường tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, các hội nghị, cuộc họp ở khu dân cư và thông qua các tổ chức đoàn thể để Nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, sự cần thiết và lợi ích của việc sắp xếp thôn.

2. Về xây dựng đề án và thực hiện trình tự, hồ sơ sắp xếp thôn

2.1. Xây dựng Đề án

Căn cứ Phương án tổng thể sắp xếp thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và tình hình thực tế của địa phương, UBND xã Ngọc Liên xây dựng Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã; báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã xem xét, cho ý kiến.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày **10/6/2026**.

2.2. Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân

UBND xã xây dựng Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với Đề án sắp xếp thôn; xác định rõ nội dung, hình thức, thời gian thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan. Việc lấy ý kiến Nhân dân được thực hiện thông qua cuộc họp cộng đồng dân cư kết hợp phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình; đồng thời tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia của Nhân dân để hoàn thiện Đề án theo quy định.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày **20/6/2026**.

2.3. Trình HĐND xã xem xét, quyết định

UBND xã hoàn thiện hồ sơ, trình HĐND xã xem xét, ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp thôn trên địa bàn xã theo quy định.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành chậm nhất ngày **25/6/2026**.

3. Về định hướng chức danh, số lượng, tiêu chuẩn của người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở thôn mới

3.1. Về chức danh, số lượng

a) Chức danh người hoạt động không chuyên trách

Sau khi sắp xếp từ 41 thôn, làng xuống còn 12 thôn, việc bố trí người hoạt động không chuyên trách ở thôn được thực hiện theo quy định của Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Mỗi thôn bố trí không quá 03 chức danh gồm: Bí thư chi bộ, Trưởng thôn và Trưởng ban Công tác Mặt trận.

b) Chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự

Tại mỗi thôn mới thành lập bố trí 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và các Tổ viên Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật và căn cứ tình hình thực tế của địa bàn nhằm bảo đảm yêu cầu giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở.

c) Các chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, gồm

Chi hội trưởng Chi hội Nông dân, Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh, Bí thư Chi đoàn Thanh niên và các chức danh khác theo quy định của điều lệ các tổ chức chính trị - xã hội.

d) Đối với các chức danh khác như

Các tổ tự quản, tổ hòa giải, ban quản lý nhà văn hóa, ban khuyến học và các tổ chức tự quản khác của cộng đồng dân cư được kiện toàn, sắp xếp phù hợp với quy mô, đặc điểm của từng thôn mới và theo quy định hiện hành.

đ) Về số lượng

Hiện nay toàn xã có 41 Bí thư chi bộ, 24 Trưởng thôn và 17 Trưởng ban Công tác Mặt trận. Sau khi sắp xếp còn 12 thôn, dự kiến bố trí: 12 Bí thư chi bộ; 12 Trưởng thôn; 12 Trưởng ban Công tác Mặt trận.

Số lượng Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự; các chức danh của các tổ chức chính trị - xã hội và các chức danh khác được bố trí theo quy định hiện hành và yêu cầu thực tế của từng thôn.

3.2. Về tiêu chuẩn

Việc lựa chọn, bố trí các chức danh ở thôn mới được thực hiện theo tiêu chuẩn, điều kiện quy định của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; bảo đảm phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực công tác, uy tín trong Nhân dân, có khả năng tập hợp, vận động quần chúng và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tại địa bàn dân cư.

3.3. Về chế độ, chính sách

Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn và những người tham gia hoạt động ở thôn sau khi sắp xếp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh. Đối với các trường hợp dôi dư sau sắp xếp, UBND xã thực hiện rà soát, lập hồ sơ và giải quyết đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

3.4. Về định hướng bố trí, chỉ định, bầu cử, tuyển chọn người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở thôn mới

a) Đối với các chức danh Bí thư Chi bộ, Trưởng ban Công tác Mặt trận, Bí thư Chi đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Chi hội Nông dân, Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh và các chức danh của các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn

Sau khi thực hiện sắp xếp từ 41 thôn xuống còn 12 thôn, việc kiện toàn, bố trí các chức danh nêu trên được thực hiện theo Điều lệ Đảng, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội, các quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của cơ quan cấp trên có thẩm quyền.

Trên cơ sở rà soát đội ngũ cán bộ hiện có tại 41 thôn, việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự tham gia các chức danh ở 12 thôn mới bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, phẩm chất chính trị, năng lực công tác, uy tín trong Nhân dân và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng địa bàn.

b) Đối với chức danh Trưởng thôn

Hiện nay toàn xã có 24 Trưởng thôn. Sau khi sắp xếp còn 12 thôn, căn cứ chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy xã, UBND xã thực hiện chỉ định 12 Trưởng thôn lâm thời để điều hành hoạt động của các thôn mới cho đến khi tổ chức bầu Trưởng thôn theo quy định. Thời gian chỉ định Trưởng thôn lâm thời không quá 06 tháng kể từ ngày quyết định thành lập thôn mới có hiệu lực. Việc bầu Trưởng thôn được thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn và các quy định hiện hành.

c) Đối với Tổ Bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các chức danh Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên

Sau khi sắp xếp thôn, UBND xã phối hợp với Công an xã tiến hành rà soát, kiện toàn, sắp xếp lại lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định của pháp luật; bảo đảm phù hợp với quy mô dân cư, diện tích tự nhiên, đặc điểm địa bàn và yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự của từng thôn mới.

d) Đối với chức danh Phó Trưởng thôn

Việc bố trí, sử dụng chức danh Phó Trưởng thôn tại các thôn mới được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn do UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành và các quy định hiện hành có liên quan.

đ) Về định hướng nhiệm kỳ của Trưởng thôn

Nhiệm kỳ của Trưởng thôn tại các thôn mới sau sắp xếp được thực hiện theo quy định của UBND tỉnh Thanh Hóa và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Sau khi hoàn thành việc sắp xếp, thành lập thôn mới sẽ tổ chức bầu Trưởng thôn theo đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định.

e) Đối với các tổ chức Chi hội khác như Người cao tuổi, Khuyến học, Chữ thập đỏ và các tổ chức xã hội khác ở cộng đồng dân cư

Thực hiện việc kiện toàn, sắp xếp phù hợp với mô hình thôn mới; bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục và thực hiện theo Điều lệ của từng tổ chức, hướng dẫn của cơ quan, tổ chức cấp trên có thẩm quyền.

4. Về chính sách hỗ trợ nghỉ việc do sáp nhập thôn

4.1. Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế.

4.2. Chủ tịch UBND xã căn cứ Quyết định số 31/2026/QĐ-CTUBND ngày 21/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh để phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP. .

5. Về bố trí nhà văn hóa, sử dụng tài sản công của thôn

Để bảo đảm điều kiện tổ chức hội họp, sinh hoạt cộng đồng, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của Nhân dân sau khi thực hiện sắp xếp thôn, trước mắt xã bố trí sử dụng tạm thời nhà văn hoá của các thôn cũ làm nơi

sinh hoạt cho các thôn mới sau sắp xếp. Đồng thời, căn cứ quy hoạch phát triển dân cư, quỹ đất hiện có và nhu cầu thực tế, xã dự kiến đầu tư xây dựng mới nhà văn hoá tại vị trí trung tâm thuận lợi thuộc địa bàn các thôn cũ, cụ thể như sau:

(1) Thôn Kim Ngọc: Trước mắt sử dụng tạm thời Nhà văn hoá thôn 2 (cũ) làm nơi sinh hoạt cộng đồng của thôn mới và tiếp tục sử dụng các nhà văn hóa, khu thể thao cũ tại các cụm dân cư phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

Dự kiến xây dựng mới Nhà văn hoá thôn Kim Ngọc tại địa bàn thôn 2 (cũ), với diện tích khoảng 445,0 m²; kinh phí dự kiến khoảng 3,8 tỷ đồng.

(2) Thôn Ngọc Thanh: Trước mắt sử dụng tạm thời Nhà văn hoá thôn 6 (cũ) làm nơi sinh hoạt của thôn mới và tiếp tục sử dụng các nhà văn hóa, khu thể thao cũ tại các cụm dân cư phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

Dự kiến xây dựng mới Nhà văn hoá thôn Ngọc Thanh tại địa bàn thôn 6 (cũ), với diện tích khoảng 569,8 m²; kinh phí dự kiến khoảng 4,5 tỷ đồng.

(3) Thôn Phúc Thuận: Trước mắt sử dụng tạm thời Nhà văn hoá thôn 9 (cũ) làm nơi sinh hoạt của Nhân dân thôn mới và tiếp tục sử dụng các nhà văn hóa, khu thể thao cũ tại các cụm dân cư phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

Dự kiến xây dựng mới Nhà văn hoá thôn Phúc Thuận tại địa bàn thôn 9 (cũ), diện tích khoảng 382,6 m²; kinh phí dự kiến khoảng 3,5 tỷ đồng.

(4) Thôn Sơn Thủy: Trước mắt sử dụng tạm thời Nhà văn hoá Kim Thủy (cũ) làm nơi sinh hoạt cộng đồng và tiếp tục sử dụng các nhà văn hóa, khu thể thao cũ tại các cụm dân cư phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

Dự kiến xây dựng mới Nhà văn hoá thôn Sơn Thủy tại địa bàn Kim Thủy (cũ), với diện tích khoảng 435,0 m²; kinh phí dự kiến khoảng 3,8 tỷ đồng.

(5) Thôn Tiền Phong: Trước mắt sử dụng tạm thời Nhà văn hoá Thanh Sơn (cũ) làm nơi sinh hoạt của thôn mới và tiếp tục sử dụng các nhà văn hóa, khu thể thao cũ tại các cụm dân cư phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

Dự kiến xây dựng mới Nhà văn hoá thôn Tiền Phong tại địa bàn Thanh Sơn (cũ), diện tích khoảng 502,8 m²; kinh phí dự kiến khoảng 4,1 tỷ đồng.

(6) Thôn Trung Thành: Trước mắt tiếp tục sử dụng Nhà văn hoá Trung Thành hiện có để phục vụ sinh hoạt cộng đồng và tiếp tục sử dụng các nhà văn hóa, khu thể thao cũ tại các cụm dân cư phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

Dự kiến xây dựng mới Nhà văn hoá thôn Trung Thành tại địa bàn thôn Trung Thành, diện tích khoảng 594,4 m²; kinh phí dự kiến khoảng 4,6 tỷ đồng.

(7) Thôn Ngọc Minh: Trước mắt sử dụng tạm thời Nhà văn hoá Ngọc Tân (cũ) làm nơi sinh hoạt cộng đồng và tiếp tục sử dụng các nhà văn hóa, khu thể thao cũ tại các cụm dân cư phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

Dự kiến xây dựng mới Nhà văn hoá thôn Ngọc Minh tại địa bàn Ngọc Tân (cũ), diện tích khoảng 552,0 m²; kinh phí dự kiến khoảng 4,4 tỷ đồng.

(8) Thôn Khang Ninh: Trước mắt tiếp tục sử dụng Nhà văn hoá Khang Ninh hiện có để phục vụ sinh hoạt của Nhân dân và tiếp tục sử dụng các nhà văn hóa, khu thể thao cũ tại các cụm dân cư phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

Dự kiến xây dựng mới Nhà văn hoá thôn Khang Ninh tại địa bàn Khang Ninh, diện tích khoảng 385,0 m²; kinh phí dự kiến khoảng 3,5 tỷ đồng.

(9) Thôn Thắng Lợi: Trước mắt sử dụng tạm thời Nhà văn hoá Làng Búa (cũ) làm nơi sinh hoạt cộng đồng của thôn mới và tiếp tục sử dụng các nhà văn hóa, khu thể thao cũ tại các cụm dân cư phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

Dự kiến xây dựng mới Nhà văn hoá thôn Thắng Lợi tại địa bàn Làng Búa (cũ), diện tích khoảng 385,0 m²; kinh phí dự kiến khoảng 3,5 tỷ đồng.

(10) Thôn Thái Sơn: Trước mắt sử dụng tạm thời Nhà văn hoá Z111 (cũ) làm nơi sinh hoạt cộng đồng và tiếp tục sử dụng các nhà văn hóa, khu thể thao cũ tại các cụm dân cư phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

Dự kiến xây dựng mới Nhà văn hoá thôn Thái Sơn tại địa bàn Z111 (cũ), diện tích khoảng 438,1 m²; kinh phí dự kiến khoảng 3,8 tỷ đồng.

(11) Thôn Lộc Phú: Trước mắt sử dụng tạm thời Nhà văn hoá Cò Chè (cũ) làm nơi sinh hoạt của Nhân dân thôn mới và tiếp tục sử dụng các nhà văn hóa, khu thể thao cũ tại các cụm dân cư phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

Dự kiến xây dựng mới Nhà văn hoá thôn Lộc Phú tại địa bàn Cò Chè (cũ), diện tích khoảng 341,8 m²; kinh phí dự kiến khoảng 3,3 tỷ đồng.

(12) Thôn Lộc Tiến: Trước mắt sử dụng tạm thời Nhà văn hoá Lộc Thành (cũ) làm nơi sinh hoạt cộng đồng của thôn mới và tiếp tục sử dụng các nhà văn hóa, khu thể thao cũ tại các cụm dân cư phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

Dự kiến xây dựng mới Nhà văn hoá thôn Lộc Tiến tại địa bàn Lộc Thành (cũ), diện tích khoảng 475,0 m²; kinh phí dự kiến khoảng 4,0 tỷ đồng.

6. Về chuyển đổi một số loại giấy tờ cơ bản của công dân và tổ chức

UBND cấp xã chỉ đạo, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan lập kế hoạch, thông báo, hướng dẫn người dân chuyển đổi theo quy định; tiến hành thực hiện chuyển đổi giấy tờ cho người dân, tổ chức phục vụ tại xã.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kiến nghị và đề xuất

- Đề nghị UBND tỉnh, Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan quan tâm xem xét, phê duyệt phương án sắp xếp thôn của xã Ngọc Liên để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện theo đúng quy định.

- Đề nghị các sở, ngành chuyên môn hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công, hồ sơ, tài liệu và các cơ sở vật chất hiện có của các thôn sau sắp xếp, bảo đảm thống nhất, hiệu quả và đúng quy định.

- Đề nghị tiếp tục quan tâm hỗ trợ nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng đối với các thôn mới được thành lập trên địa bàn xã, nhất là các thôn có địa bàn rộng, dân cư phân tán, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động cộng đồng.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy xã

Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án; quán triệt đầy đủ các chủ trương của Trung ương, của tỉnh về sắp xếp thôn; chỉ đạo cấp ủy các chi bộ thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân; lãnh đạo việc kiện toàn tổ chức Đảng tương ứng với các thôn sau sắp xếp.

2.2. Đề nghị Hội đồng nhân dân xã

Tổ chức kỳ họp để xem xét, thảo luận và thông qua Đề án sắp xếp thôn theo quy định của pháp luật.

2.3. Ủy ban nhân dân xã

- Chủ trì hoàn thành Đề án sắp xếp thôn theo quy định hiện hành.
- Chỉ đạo, hướng dẫn các thôn tổ chức lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình theo quy định.
- Tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân; hoàn thiện hồ sơ trình HĐND xã xem xét, thông qua.
- Tổ chức thực hiện Đề án sau khi được HĐND xã thông qua.
- Thực hiện việc bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn theo quy định hiện hành.

2.4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc sắp xếp thôn; tham gia giám sát quá trình tổ chức thực hiện; tạo sự đồng thuận trong cộng đồng dân cư.

2.5. Các thôn thuộc diện sắp xếp

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Đề án đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân.
- Lập danh sách cử tri đại diện hộ gia đình; tổ chức lấy ý kiến cử tri theo quy định.
- Tổng hợp kết quả, lập hồ sơ gửi UBND xã.
- Thực hiện kiểm kê tài sản, hồ sơ, các khoản thu chi và bàn giao theo quy định khi thực hiện sắp xếp.
- Phối hợp thực hiện việc kiện toàn tổ chức, bố trí nhân sự sau sắp xếp.

2.6. Các thành viên Ban Chỉ đạo

Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các thôn được phân công phụ trách; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để xem xét, giải quyết.

Trên đây là Đề án sắp xếp thôn, làng trên địa bàn xã Ngọc Liên, UBND xã Ngọc Liên báo cáo Sở Nội vụ, UBND tỉnh xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận: *NĐ*

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nội vụ (để báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy xã (để báo cáo);
- Thường trực HĐND xã (để báo cáo);
- Ban Thường vụ Đảng ủy xã (để báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các ban, ngành, các tổ chức CTXH xã;
- Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã (đưa tin);
- Các thôn, làng (để thực hiện);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Thị Hà

Phụ lục số 01: Thống kê thực trạng thôn trên địa bàn xã Ngọc Liên
(Kèm theo Đề án số: 01/ĐA-UBND ngày 10/6/2026 của UBND xã Ngọc Liên)

TT	Thôn, làng	Số thôn	Số hộ	Số khẩu	Diện tích (ha)	Chi bộ đảng	Ban Công tác Mặt trận	Đoàn viên thanh niên	Hội viên cựu chiến binh	Hội viên nông dân	Hội viên phụ nữ	Nhà văn hóa thôn	Khu thể thao thôn
	Tổng cộng	41	6.364	27.666	8.017,24	636	355	467	1.298	4.364	3.448	41	41
1	Thôn 1	1	131	555	92,43	14	7	12	28	92	56	1	1
2	Thôn 2	1	137	587	156,35	13	8	15	33	87	60	1	1
3	Thôn 3	1	135	569	215,52	15	8	10	26	95	72	1	1
4	Thôn 4	1	110	464	144,23	13	8	13	22	80	70	1	1
5	Thôn 5	1	126	544	132,51	13	8	23	17	92	55	1	1
6	Thôn 6	1	249	1.075	115,81	29	8	8	33	182	100	1	1
7	Thôn 7	1	156	700	113,21	22	9	12	39	90	65	1	1
8	Thôn 8	1	144	685	161,07	15	9	16	31	98	75	1	1
9	Thôn 9	1	211	989	175,60	22	9	12	28	110	60	1	1
10	Thôn 10	1	221	1.036	193,02	19	8	10	60	160	100	1	1
11	Thôn Điền Sơn	1	183	851	358,13	14	9	9	49	151	99	1	1
12	Thôn Kim Thủy	1	142	645	269,88	13	9	10	38	91	70	1	1
13	Thôn Thanh Sơn	1	134	611	197,59	18	9	8	43	114	79	1	1
14	Thôn Linh Sơn	1	175	845	157,71	16	9	12	49	155	100	1	1
15	Thôn Hoành Sơn	1	103	504	105,49	8	8	9	27	100	85	1	1
16	Thôn Minh Tiến	1	99	482	72,98	8	9	8	20	91	74	1	1

17	Thôn Tiền Phong	1	130	570	142,33	9	8	17	26	118	90	1	1
18	Thôn Minh Phong	1	114	530	90,58	7	7	13	15	95	74	1	1
19	Thôn Thọ Phú	1	158	710	167,12	13	7	8	14	60	50	1	1
20	Thôn Minh Xuân	1	135	620	127,80	9	8	8	27	108	95	1	1
21	Thôn Tân Mỹ	1	192	885	271,67	15	7	10	31	100	62	1	1
22	Thôn Ngọc Tân	1	149	694	119,70	8	7	14	30	67	50	1	1
23	Thôn Trung Thành	1	196	885	249,38	17	8	12	23	150	165	1	1
24	Thôn Minh Lâm	1	218	956	152,37	12	9	15	54	155	120	1	1
25	Thôn Yên Thắng	1	124	561	165,05	20	8	10	24	78	95	1	1
26	Thôn Xuân Minh	1	187	886	225,45	21	9	15	26	109	75	1	1
27	Làng Lim Còm	1	98	389	274,28	11	9	10	13	75	60	1	1
28	Thôn Khang Ninh	1	225	904	651,51	14	9	15	28	150	125	1	1
29	Làng Mai	1	127	503	181,48	9	9	10	42	83	88	1	1
30	Làng Bứa	1	172	718	221,31	27	9	10	34	200	126	1	1
31	Làng Cao Sơn	1	150	617	218,15	18	9	6	47	83	89	1	1
32	Làng Cao Thắng	1	136	574	23,52	9	9	10	28	106	100	1	1
33	Làng Cao Khánh	1	214	802	141,17	14	9	8	39	75	120	1	1
34	Thôn Z111	1	140	491	122,12	34	9	10	54	26	80	1	1
35	Làng 61	1	112	382	117,49	12	9	10	27	20	50	1	1
36	Thôn Lộc Thành	1	189	835	358,22	20	9	12	27	150	135	1	1
37	Thôn Lộc Tiến	1	149	618	127,48	19	9	9	28	125	82	1	1
38	Thôn Lộc Phát	1	214	844	253,92	33	11	15	43	150	75	1	1
39	Thôn Cò Chè	1	156	626	164,62	10	11	13	26	122	84	1	1
40	Thôn Ngã Hón	1	108	455	265,94	10	9	12	24	76	62	1	1
41	Thôn Làng Hép	1	115	469	523,05	13	12	8	25	95	76	1	1

**Phụ lục số 02: Thống kê số lượng người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp
tham gia hoạt động ở thôn của xã Ngọc Liên**
(Kèm theo Đề án số: 01/UBND-VHXXH ngày 10/6/2026 của UBND xã Ngọc Liên)

TT	Chức danh	Số lượng	Đăng viên	Dân tộc thiểu số	Trình độ									Độ tuổi			
					Văn hóa			Chuyên môn			Lý luận chính trị						
					Tiểu học	THCS	THPT	Chưa đào tạo	Trung cấp hoặc cao đẳng	Đại học hoặc sau đại học	Chưa đào tạo	Trung cấp hoặc sơ cấp	Cao cấp hoặc cử nhân	Dưới 40 tuổi	Từ 40 đến 50 tuổi	Từ 50 đến 60 tuổi	Trên 60 tuổi
	Tổng cộng	244	198	160	12	83	149	204	27	13	212	32	0	40	104	62	38
a	Người hoạt động không chuyên trách	82	82	53	0	15	67	58	14	10	67	15	0	7	40	23	12
1	Bí thư Chi bộ	41	41	28	0	9	32	27	8	6	31	10	0	1	14	14	12
2	Trưởng thôn	24	24	11	0	5	19	19	3	2	22	2	0	3	13	8	0
3	Trưởng Ban Công tác Mặt trận	17	17	14	0	1	16	12	3	2	14	3	0	3	13	1	0
b	Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn	39	38	21	0	3	36	30	6	3	33	6	0	8	23	6	2
1	Thôn, Tổ đội trưởng	39	38	21	0	3	36	30	6	3	33	6	0	8	23	6	2
2	Cô đỡ thôn, bản																
c	Tổ bảo vệ an ninh trật tự	123	78	86	12	65	46	116	7		112	11		25	41	33	24

Phụ lục số 03: Tổng hợp phương án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Ngọc Liên
(Kèm theo Đề án số: 01/UBND-VHXXH ngày 10/6/2026 của UBND xã Ngọc Liên)

TT	Sắp xếp, tổ chức lại các thôn, làng có tên, số hộ và diện tích dưới đây															Để thành lập thôn mới			Thôn, làng mới sử dụng, sửa chữa lại nhà văn hóa hiện nay hoặc phải xây dựng mới		
	Tên thôn	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên thôn	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên thôn	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên thôn	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên thôn	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Tên gọi mới	Số hộ (hộ)	Diện tích (ha)	Sử dụng lại hoặc sửa chữa, mở rộng	Xây mới	
																				Diện tích (m2)	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1	Thôn 1	131	92,43	Thôn 2	137	156,35	Thôn 3	135	215,52	Thôn 4	110	144,23				Thôn Kim Ngọc	513	608,53		445,0	3,8
2	Thôn 5	126	132,51	Thôn 6	249	115,81	Thôn 7	156	113,21	Thôn 8	144	161,07				Thôn Ngọc Thanh	675	522,60		569,8	4,5
3	Thôn 9	211	175,60	Thôn 10	221	193,02										Thôn Phúc Thuận	432	368,62		382,6	3,5
4	Thôn Điện Sơn	183	358,13	Thôn Kim Thủy	142	269,88	Thôn Linh Sơn	175	157,71							Thôn Sơn Thủy	500	785,72		435,0	3,8
5	Thôn Hoành Sơn	103	105,49	Thôn Minh Phong	114	90,58	Tiền Phong	130	142,33	Thôn Minh Tiến	99	72,98	Thôn Thanh Sơn	134	197,59	Thôn Tiền Phong	580	608,97		502,8	4,1
6	Thôn Minh Xuân	135	127,80	Thôn Trung Thành	196	249,38	Thôn Minh Lâm	218	152,37	Thôn Thọ Phú	158	167,12				Thôn Trung Thành	707	696,67		594,4	4,6

7	Thôn Ngọc Tân	149	119,70	Thôn Xuân Minh	187	225,45	Thôn Tân Mỹ	192	271,67	Thôn Yên Thắng	124	165,05				Thôn Ngọc Minh	652	781,87		552,0	4,4
8	Thôn Làng 61	112	117,49	Làng Lim Còm	98	274,28	Thôn Khang Ninh	225	651,51							Thôn Khang Ninh	435	1.043,28		385,0	3,5
9	Làng Mai	127	181,48	Làng Bứa	172	221,31	Làng Cao Thắng	136	23,52							Thôn Thắng Lợi	435	426,31		385,0	3,5
10	Làng Z111	140	122,12	Làng Cao Sơn	150	218,15	Làng Cao Khánh	214	141,17							Thôn Thái Sơn	504	481,44		438,1	3,8
11	Làng Ngã Hón	108	265,94	Làng Hép	115	523,05	Thôn Cò Chè	156	164,62							Thôn Lộc Phú	379	953,61		341,8	3,3
12	Thôn Lộc Tiên	149	127,48	Thôn Lộc Phát	214	253,92	Thôn Lộc Thành	189	358,22							Thôn Lộc Tiên	552	739,62		475,0	4,0
	Cộng	1.674	1.926		1.995	2.791		1.926	2.392		635	710		134	198		6.364	8.017,24			